



Everpia JSC

Head office and factory:

Thương Tín, Gia Lâm District, Hanoi City, Vietnam

Tel: (84) 4 3827 6490 Fax: (84) 4 3827 6492

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 29032024-01TB/EVPL

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Ha Noi, 29th March 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty cổ phần Everpia/ *Everpia JSC*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: EVE
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 024.38276490
- Fax: 024.38276492
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Yu Sung Dae

Chức vụ/ *Position*: Người được ủy quyền Công bố thông tin

Authorized person on Information

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán năm 2023.
Audited separated and audited consolidated financial report for the year 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/03/2023 tại đường dẫn: <https://everpia.vn/bao-cao-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh-ct60.html>

This information was disclosed on Company on 29/03/2023, available at: <https://everpia.vn/bao-cao-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh-ce60.html>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Party authorized to disclose information



YU SUNG DAE

"V/v giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2023 so với năm trước"

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam

Công ty Cổ phần Everpia xin được giải trình số liệu Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 về nội dung:

Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước

1. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
			Số	Tỷ lệ
1. Doanh thu bán hàng	787,684,319,980	1,021,471,331,353	(233,787,011,373)	-23%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(830,413,831)	(426,491,045)	(403,922,786)	95%
3. Doanh thu thuần về bán hàng	786,853,906,149	1,021,044,840,308	(234,190,934,159)	-23%
4. Giá vốn hàng bán	(550,036,861,184)	(656,678,297,461)	106,641,436,277	-16%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	236,817,044,965	364,366,542,847	(127,549,497,882)	-35%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	42,770,100,352	28,903,439,916	13,866,660,436	48%
7. Chi phí tài chính	(20,137,299,072)	(37,406,991,467)	17,269,692,395	-46%
8. Chi phí bán hàng	(158,452,976,824)	(166,386,133,877)	7,933,157,053	-5%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(84,172,926,450)	(79,174,512,037)	(4,998,414,413)	6%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16,823,942,971	110,302,345,382	(93,478,402,411)	-85%
11. Thu nhập khác	7,709,837,988	1,302,110,218	6,407,727,770	492%
12. Chi phí khác	(957,185,127)	(431,658,911)	(525,526,216)	122%
13. Lợi nhuận khác	6,752,652,861	870,451,307	5,882,201,554	676%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23,576,595,832	111,172,796,689	(87,596,200,857)	-79%
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(5,654,976,192)	(25,497,811,179)	19,842,834,987	-78%
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34,649,388	2,473,743,588	(2,439,094,200)	-99%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17,956,269,028	88,148,729,098	(70,192,460,070)	-80%

Năm 2023 là một năm không dễ dàng cho toàn bộ nền kinh tế Việt Nam, nhất là ngành dệt may. Đây là một năm có tỷ lệ doanh nghiệp rời khỏi thị trường cao, xuất nhập khẩu giảm, sản xuất có chiều hướng giảm. Các doanh nghiệp dệt may thiếu đơn hàng nghiêm trọng, công nhân giảm giờ làm, nhà máy giảm công suất, một số nhà máy còn phải đóng cửa hoặc thu hẹp lại sản xuất. Tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may chỉ đạt 30 tỷ USD, kém rất xa so với kế hoạch 45 tỷ USD đề ra đầu năm. Lý do kinh doanh ảm đạm là do nền kinh tế toàn cầu suy giảm, lạm phát tăng cao ở các nước Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản... đã làm giảm nhu cầu về dệt may dẫn tới thiếu đơn hàng, trong nước người tiêu dùng cũng cắt giảm chi phí chi tiêu cho dệt may. Everpia

cũng không nằm ngoài vòng xoáy sụt giảm kinh tế này. Doanh số năm 2023 của Everpia giảm mạnh so với năm 2022, chỉ đạt 77%. Các ngành kinh doanh chính đều giảm, mặt hàng chăn ga chỉ đạt 75%, bông tằm đạt 76% và khăn đạt 96% so với cùng kỳ.

Đối với Ngành hàng Bông tằm: một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm lớn này là những năm trước do tình hình COVID nên nhiều khách hàng đã mua lượng hàng lớn hơn so với thông thường để phòng vấn đề logistic. Sau COVID, nhiều vấn đề như lạm phát, chiến tranh, người dân thắt chặt chi tiêu dẫn tới nhiều khách hàng của Everpia vừa thiếu hụt đơn hàng vừa tồn nhiều hàng tồn kho. Bên cạnh đó, ngành hàng này còn phải đối mặt với sức cạnh tranh lớn từ các đối thủ đến từ Bangladesh và Indonesia.

Đối với Ngành hàng Chăn ga gối đệm: Để khắc phục đơn hàng sụt giảm từ Bộ sưu tập, Everpia đã cho ra mắt 07 mẫu sản phẩm dành riêng cho thị trường tỉnh cũng như triển khai các hoạt động tiếp thị, hỗ trợ đại lý bán hàng, tuy nhiên do thời tiết năm nay mùa đông đến muộn và người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu trước ảnh hưởng của lạm phát nên doanh số đã không được cải thiện.

Đối với Ngành hàng Khăn: Do sản phẩm là hàng tiêu dùng thông dụng nên nhu cầu khá ổn định, không bị giảm sút quá nhiều. Hiện nay, do vấn đề về chuỗi cung ứng và giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc, nhiều khách hàng quốc tế đang tìm kiếm tới Việt Nam như một nguồn cung cấp thay thế nên nhu cầu về ngành này dự kiến sẽ tăng từ năm 2024.

Thực hiện chủ trương di dời nhà xưởng, hoàn trả lại mặt bằng nhà máy tại KCN Biên Hòa 1, công ty đã đầu tư xây dựng nhà máy mới tại KCN Giang Điền, tỉnh Đồng Nai. Nhà máy mới đã đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2023. Việc di dời và đầu tư lắp đặt các thiết bị sản xuất mới nhà máy này đã khiến cho chi phí trong năm 2023 tăng hơn so với năm 2022. Đồng thời, trong thời gian chuyển sang nhà máy Giang Điền, các hoạt động sản xuất chưa đạt hết công suất do việc thực hiện các đơn hàng bị gián đoạn, điều này cũng gián tiếp ảnh hưởng tới việc giảm doanh số.

Việc thực hiện tăng lương cơ bản 8% theo quy định về mức lương tối thiểu khiến cả chi phí giá vốn và chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đều tăng. Chính vì chi phí không được giảm so với sự sụt giảm của doanh thu đã đẩy hợp nhuận hoạt động trong năm 2023 giảm sâu. Lợi nhuận năm 2023 chỉ đạt 20% so với năm 2022.



Tại báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất


CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
			Số	Tỷ lệ
1. Doanh thu bán hàng	787,684,319,980	1,021,675,009,233	(233,990,689,253)	-23%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(830,413,831)	(426,491,045)	(403,922,786)	95%
3. Doanh thu thuần về bán hàng	786,853,906,149	1,021,248,518,188	(234,394,612,039)	-23%
4. Giá vốn hàng bán	(535,771,595,934)	(637,064,757,476)	101,293,161,542	-16%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	251,082,310,215	384,183,760,712	(133,101,450,497)	-35%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	49,447,504,304	31,681,507,476	17,765,996,828	56%
7. Chi phí tài chính	(22,641,932,270)	(39,728,202,018)	17,086,269,748	-43%
9. Chi phí bán hàng	(167,439,134,031)	(173,296,409,898)	5,857,275,867	-3%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(92,954,672,832)	(88,027,974,504)	(4,926,698,328)	6%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17,494,075,386	114,812,681,768	(97,318,606,382)	-85%
12. Thu nhập khác	7,709,837,988	1,302,110,218	6,407,727,770	492%
13. Chi phí khác	(957,185,127)	(779,887,540)	(177,297,587)	23%
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	6,752,652,861	522,222,678	6,230,430,183	1193%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24,246,728,247	115,334,904,446	(91,088,176,199)	-79%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(5,654,976,192)	(25,752,397,563)	20,097,421,371	-78%
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	50,020,587	2,246,914,089	(2,196,893,502)	-98%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18,641,772,642	91,829,420,972	(73,187,648,330)	-80%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	816,377,200	254,586,384	561,790,816	221%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	17,825,395,442	91,574,834,588	(73,749,439,146)	-81%
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	425	2,215		
20. Lãi pha loãng trên cổ phiếu	425	2,215		

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ: theo nội dung giải trình phía trên
- Công ty con bên Hàn Quốc cũng bị ảnh hưởng từ hoạt động kinh doanh toàn cầu nên hoạt động không có hiệu quả
- Công ty con là Quý mở vẫn có hoạt động tốt trong năm 2023. Điều đó đã khiến do doanh thu trên báo cáo hợp nhất giảm 23% so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận chỉ đạt 17.8 tỷ, đạt 19% so với năm trước.

Trên đây là giải trình của Công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp năm 2023.

Trân trọng kính chào!

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Phó Tổng giám đốc 




Yu Sung Dae

Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Everpia

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 45

Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (Mã: EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, phân phối (bán buôn và bán lẻ), và xuất khẩu các sản phẩm liên quan đến chần, ga và đệm, và các hoạt động khác theo giấy Chứng nhận Đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bảy chi nhánh tại Hưng Yên, thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch	
Ông Lee Jae Eun	Thành viên	
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên	
Ông Lee Bang Huyn	Thành viên	
		Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
		Miễn nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Hương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Everpia

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11453398/67061582-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia (“Công ty”) và các công ty con, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Lê Thị Thu
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5606-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		770.385.094.402	1.055.145.769.022
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	40.858.611.052	54.780.353.092
111	1. Tiền		39.012.957.587	37.834.469.145
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.845.653.465	16.945.883.947
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		223.235.937.241	396.498.286.055
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	108.759.627.374
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(18.067.423.469)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	223.235.937.241	305.806.082.150
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		182.263.347.093	232.722.338.012
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	167.122.003.180	183.249.582.128
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	9.806.656.928	42.266.149.339
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	34.081.683.482	34.686.549.577
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(28.746.996.497)	(27.479.943.032)
140	IV. Hàng tồn kho	9	318.859.392.606	364.153.052.782
141	1. Hàng tồn kho		350.972.238.074	393.180.183.846
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(32.112.845.468)	(29.027.131.064)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.167.806.410	6.991.739.081
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.171.222.115	3.783.070.296
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.996.584.295	3.208.668.785

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		585.485.974.868	401.549.607.125
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.114.021.409	2.550.207.116
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.114.021.409	2.550.207.116
220	II. Tài sản cố định		352.165.213.136	165.509.518.378
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	351.190.821.438	164.253.763.180
222	Nguyên giá		774.106.278.847	609.814.704.124
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(422.915.457.409)	(445.560.940.944)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	974.391.698	1.255.755.198
228	Nguyên giá		41.721.106.292	41.721.106.292
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.746.714.594)	(40.465.351.094)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.019.733.800	64.280.616.346
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.019.733.800	64.280.616.346
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	60.556.466.482	9.804.108.487
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		11.590.390.000	11.590.390.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.356.200.000	10.356.200.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(12.985.341.499)	(12.142.481.513)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		51.595.217.981	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		168.630.540.041	159.405.156.798
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	146.002.881.797	136.827.519.145
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	22.627.658.244	22.577.637.653
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.355.871.069.270	1.456.695.376.147

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		355.899.753.750	428.854.173.261
310	I. Nợ ngắn hạn		233.682.771.214	312.013.032.780
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	41.219.860.824	48.905.071.795
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	19.186.940.891	18.592.271.299
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	7.329.424.459	17.868.736.240
314	4. Phải trả người lao động		25.802.587.704	30.679.597.943
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		978.892.917	1.673.446.511
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	182.895.926
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.563.083.690	1.695.365.563
320	8. Vay ngắn hạn	17	137.601.980.729	192.415.647.503
330	II. Nợ dài hạn		122.216.982.536	116.841.140.481
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	19.899.500.309	22.415.007.814
338	2. Vay dài hạn	17	102.317.482.227	94.426.132.667
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		999.971.315.520	1.027.841.202.886
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	999.971.315.520	1.027.841.202.886
411	1. Vốn cổ phần		419.797.730.000	419.797.730.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	419.797.730.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	18.2	184.195.877.847	184.195.877.847
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(3.689.666.922)	(4.000.628.280)
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.057.441.212	1.169.532.841
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.1	383.538.969.799	416.424.104.094
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		365.713.574.357	324.849.269.506
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		17.825.395.442	91.574.834.588
429	6. Lợi ích cổ động không kiểm soát		11.070.963.584	10.254.586.384
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.355.871.069.270	1.456.695.376.147



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Bảo Ngọc
Kế toán trưởng



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính




Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	787.684.319.980	1.021.675.009.233
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(830.413.831)	(426.491.045)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	786.853.906.149	1.021.248.518.188
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(535.771.595.934)	(637.064.757.476)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		251.082.310.215	384.183.760.712
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	49.447.504.304	31.681.507.476
22	7. Chi phí tài chính	22	(22.641.932.270)	(39.728.202.018)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(14.493.574.387)	(6.738.633.160)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(167.439.134.031)	(173.296.409.898)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(92.954.672.832)	(88.027.974.504)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.494.075.386	114.812.681.768
31	11. Thu nhập khác	24	7.709.837.988	1.302.110.218
32	12. Chi phí khác		(957.185.127)	(779.887.540)
40	13. Lợi nhuận khác		6.752.652.861	522.222.678
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.246.728.247	115.334.904.446
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(5.654.976.192)	(25.752.397.563)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	50.020.587	2.246.914.089

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		18.641.772.642	91.829.420.972
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		17.825.395.442	91.574.834.588
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		816.377.200	254.586.384
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	425	2.215
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	425	2.215



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Bảo Ngọc
Kế toán trưởng



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính




Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		24.246.728.247	115.334.904.446
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng		31.561.833.164	35.677.478.011
03	Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(12.871.795.614)	25.995.691.868
04	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.245.902.542)	(1.378.890.386)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(38.519.437.458)	(19.960.993.451)
06	Chi phí lãi vay		14.493.574.387	6.738.633.160
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.665.000.184	162.406.823.648
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		35.765.060.712	(16.938.180.579)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		42.207.945.772	(30.127.094.340)
11	Giảm các khoản phải trả		(17.220.755.262)	(2.166.116.277)
12	Tăng chi phí trả trước		(8.563.514.471)	(1.249.152.962)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		108.759.627.374	4.992.734.795
14	Tiền lãi vay đã trả		(14.615.663.328)	(6.803.641.363)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.055.880.895)	(19.218.211.960)
17	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(693.847.464)	(5.637.302.540)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		148.247.972.622	85.259.858.422
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(141.327.210.278)	(153.498.703.878)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		9.306.557.357	1.340.691.737
23	Tiền chi đầu tư ngắn hạn		(500.732.881.250)	(398.412.082.150)
24	Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn		531.707.808.178	353.345.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.094.615.304	14.951.514.410
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(70.951.110.689)	(182.273.579.881)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	18.881.839.777
33	Tiền thu từ đi vay		506.335.490.719	363.031.673.666
34	Tiền trả nợ gốc vay		(552.985.647.857)	(242.534.092.545)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(46.131.788.152)	(41.083.124.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(92.781.945.290)	98.296.296.398
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(15.485.083.357)	1.282.574.939
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		54.780.353.092	52.162.065.411
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.563.341.317	1.335.712.742
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	40.858.611.052	54.780.353.092



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Bảo Ngọc
Kế toán trưởng



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (Mã: EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, phân phối (bán buôn và bán lẻ), và xuất khẩu các sản phẩm liên quan đến chăn, ga và đệm, và các hoạt động khác theo giấy Chứng nhận Đầu tư.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và 7 chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.205 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.217 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2 công ty con), trong đó:

<i>STT</i>	<i>Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Everpia Korea	100%	100%	Số A408-Hyeonae Knowledge Industry Centre, số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc.	Kinh doanh các nguyên vật liệu để sản xuất chăn ga, gối và nệm.
2	Quý Đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam (“MAOF”)	80%	80%	Tại tầng 38, tòa Keangnam Landmark Hanoi, Khu E6, KĐT mới Cầu Giấy, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.	Đầu tư chứng khoán và quản lý đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 12.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền trong tương lai để chi trả cho nghĩa vụ di dời nêu trên tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	6 - 16 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Khoản tiền thuê đất trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại các công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là các công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty và các công ty con mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty và các công ty con không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty và MAOF

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty và MAOF. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Trợ cấp thôi việc phải trả cho toàn bộ người lao động đang làm việc tại công ty được tính theo tỷ lệ một tháng lương cho mỗi năm làm việc tại công ty đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo quy định của pháp luật nước sở tại.

3.15 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng

Công ty ghi nhận một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy. Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận theo giá trị hiện tại của dòng tiền ước tính trong tương lai phải trả cho việc thực hiện nghĩa vụ này. Chi phí này được ghi nhận là một mục thuộc nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc và sẽ được khấu hao theo thời gian thuê của lô đất mà nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng trên đó. Chi phí hoàn trả mặt bằng ước tính sẽ được xem xét lại định kỳ và điều chỉnh phù hợp. Các thay đổi về giá trị tương lai ước tính được cộng thêm hay trừ ra khỏi nguyên giá của tài sản đã ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- ▶ Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận chịu thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng trên 90% tổng doanh thu trong năm và tổng tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện và tài sản chủ yếu được sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty, các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.22 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	152.408.091	147.654.730
Tiền gửi ngân hàng	38.860.549.496	37.686.814.415
Các khoản tương đương tiền (*)	1.845.653.465	16.945.883.947
TỔNG CỘNG	<u>40.858.611.052</u>	<u>54.780.353.092</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng hưởng lãi suất từ 1,9% đến 3%/năm (2022: 3,8% đến 6,0%/năm).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (i)	210.235.937.241	210.235.937.241	305.806.082.150	305.806.082.150
Các khoản đầu tư khác (ii)	13.000.000.000	13.000.000.000	-	-
TOTAL	<u>223.235.937.241</u>	<u>223.235.937.241</u>	<u>305.806.082.150</u>	<u>305.806.082.150</u>

(i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ 1 tháng đến 10 tháng, hưởng lãi suất từ 5,2%/năm đến 10,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3,8%/năm đến 11,5%/năm).

(ii) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS với kì hạn 3 tháng và hưởng lãi suất 7,1%/năm đến 7,4%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Welcron Global Việt Nam	4.098.926.010	6.436.352.596
Công ty TNHH Essenlue	4.085.420.563	2.722.025.652
Công ty TNHH MM Mega Market Việt Nam	3.359.880.825	3.176.920.133
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại GDB – Hải Phòng	2.532.109.691	2.549.881.971
Công ty TNHH Petit Elin	945.971.080	2.861.903.951
Các khách hàng khác	152.099.695.011	165.502.497.825
TỔNG CỘNG	<u>167.122.003.180</u>	<u>183.249.582.128</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.294.003.880)	(16.026.950.415)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Guoxin Infu	2.367.423.883	1.222.535.252
Công Ty TNHH Thương Mại Và Sản Xuất Nội Thất Hà Trang	1.390.583.712	2.430.499.821
Công ty cổ phần Youngjin E&C	-	20.340.368.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tongxiang Huibo	-	4.568.687.508
Công ty TNHH NanTong GlobalLink Industry & Trade	-	175.225.203
Các nhà cung cấp khác	6.048.649.333	13.528.833.555
TỔNG CỘNG	9.806.656.928	42.266.149.339

7. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.452.992.617	11.452.992.617
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	10.672.683.336	11.353.286.408
Lãi tiền gửi	9.500.694.874	8.142.673.839
Tạm ứng cho nhân viên	2.017.353.944	3.051.958.040
Phải thu ngắn hạn khác	437.958.711	685.638.673
TỔNG CỘNG	34.081.683.482	34.686.549.577
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(11.452.992.617)	(11.452.992.617)
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.114.021.409	2.550.207.116
TỔNG CỘNG	3.114.021.409	2.550.207.116

8. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu khách hàng	26.477.342.223	9.183.338.343	27.138.830.869	11.111.880.454
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.452.992.617	-	11.452.992.617	-
TỔNG CỘNG	37.930.334.840	9.183.338.343	38.591.823.486	11.111.880.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	5.666.521.174	-	7.158.568.051	-
Nguyên liệu, vật liệu	167.162.003.830	(19.011.394.539)	203.185.708.767	(14.320.172.867)
Thành phẩm	174.852.749.155	(13.101.450.929)	177.278.317.383	(14.706.958.197)
Hàng hóa	3.290.963.915	-	5.557.589.645	-
TỔNG CỘNG	350.972.238.074	(32.112.845.468)	393.180.183.846	(29.027.131.064)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	29.027.131.064	16.525.625.089
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	8.145.326.452	15.317.423.271
<i>Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm</i>	(5.059.612.048)	(2.815.917.296)
Số cuối năm	<u>32.112.845.468</u>	<u>29.027.131.064</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:							
Số đầu năm	213.528.101.087	317.644.179.363	43.506.145.190	14.362.286.934	20.773.991.550	609.814.704.124	
- Mua trong năm	196.774.139.009	10.139.423.223	11.509.476.564	2.034.245.364	-	220.457.284.160	
- Thanh lý, nhượng bán	(39.720.970.374)	(5.519.592.813)	(10.210.350.516)	(61.755.542)	(653.040.192)	(56.165.709.437)	
- Phân loại lại	(401.281.920)	-	-	401.281.920	-	-	
Số cuối năm	370.179.987.802	322.264.009.773	44.805.271.238	16.736.058.676	20.120.951.358	774.106.278.847	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	26.678.392.926	169.387.760.376	11.123.019.805	14.300.531.392	14.460.675.191	235.950.379.690	
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Số đầu năm	119.696.339.215	260.339.904.801	32.833.259.524	14.362.286.934	18.329.150.470	445.560.940.944	
- Khấu hao trong năm	10.380.965.498	16.651.367.231	3.216.405.875	546.760.378	484.970.682	31.280.469.664	
- Thanh lý, nhượng bán	(39.720.970.375)	(3.752.858.184)	(9.737.328.924)	(61.755.542)	(653.040.174)	(53.925.953.199)	
- Phân loại lại	(377.672.736)	-	-	263.775.641	113.897.095	-	
Số cuối năm	89.978.661.602	273.238.413.848	26.312.336.475	15.111.067.411	18.274.978.073	422.915.457.409	
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	93.831.761.872	57.304.274.562	10.672.885.666	-	2.444.841.080	164.253.763.180	
Số cuối năm	280.201.326.200	49.025.595.925	18.492.934.763	1.624.991.265	1.845.973.285	351.190.821.438	

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	24.566.385.000	7.831.500.000	7.928.284.189	1.394.937.103	41.721.106.292
Số cuối năm	24.566.385.000	7.831.500.000	7.928.284.189	1.394.937.103	41.721.106.292
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	24.566.385.000	7.831.500.000	6.866.430.149	686.893.687	39.951.208.836
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	24.443.527.166	7.831.500.000	7.503.430.241	686.893.687	40.465.351.094
Hao mòn trong năm	122.857.834	-	158.505.666	-	281.363.500
Số cuối năm	24.566.385.000	7.831.500.000	7.661.935.907	686.893.687	40.746.714.594
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	122.857.834	-	424.853.948	708.043.416	1.255.755.198
Số cuối năm	-	-	266.348.282	708.043.416	974.391.698

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.1)	11.590.390.000	(11.590.390.000)	11.590.390.000	(11.590.390.000)
Đầu tư vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 12.2)	10.356.200.000	(552.091.513)	10.356.200.000	(552.091.513)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.3)	51.595.217.981	(842.859.986)	-	-
TỔNG CỘNG	73.541.807.981	(12.985.341.499)	21.946.590.000	(12.142.481.513)

Cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, công ty có 1 công ty liên kết như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Texpia	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất vải cotton, sợi và hàng dệt kim	44 %	44 %

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Texpia trong quá trình giải thể.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong kỳ hiện tại như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Texpia

Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm	11.590.390.000
Số cuối năm	11.590.390.000
Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	(11.590.390.000)
Số cuối năm	(11.590.390.000)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	4.014.200.000	4.014.200.000
Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech	960.000.000	960.000.000
Công ty Kalon Investment Asset	5.382.000.000	5.382.000.000
TỔNG CỘNG	<u>10.356.200.000</u>	<u>10.356.200.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (i)	29.120.254.734	29.120.254.734	-	-	
Trái phiếu Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt (ii)	10.010.034.247	9.208.329.000	-	-	
Trái phiếu Vingroup (iii)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	
Trái phiếu Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt (iv)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	
Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (v)	3.464.929.000	3.423.774.261	-	-	
TỔNG CỘNG	51.595.217.981	50.752.357.995	-	-	

(i) Trái phiếu có kỳ hạn 5 năm, đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2027 và hưởng lãi suất 10,7%/năm. Tiền lãi được trả định kỳ nửa năm một lần. Trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu (phổ thông)niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh của Tập đoàn PC1. Trái phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thể trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

(ii) Trái phiếu niêm yết không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn 7 năm, đáo hạn ngày 28 tháng 2 năm 2029 và hưởng lãi suất 9,6%/năm cho kỳ hạn thứ nhất. Tiền lãi được trả hàng năm.

(iii) Trái phiếu niêm yết không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn 2 năm, đáo hạn ngày 31 tháng 8 năm 2025 và hưởng lãi suất 14,5% cho kỳ hạn thứ nhất và kỳ hạn thứ hai. Tiền lãi được trả hàng năm.

(iv) Trái phiếu có kì hạn 7 năm, đáo hạn ngày 15 tháng 9 năm 2030 và hưởng lãi suất 9,1%. Tiền lãi được trả hàng năm. Trái phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thể trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

(v) Trái phiếu niêm yết không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn 8 năm, đáo hạn ngày 9 tháng 11 năm 2031 và hưởng lãi suất 9,0% cho kỳ hạn thứ nhất. Tiền lãi được trả hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Tiền thuê mặt bằng	1.329.222.027	2.417.931.422
Phí quảng cáo	1.429.052.621	515.770.795
Phí bảo hiểm	-	467.235.377
Các khoản khác	412.947.467	382.132.702
TỔNG CỘNG	3.171.222.115	3.783.070.296
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	116.148.113.508	117.802.409.903
Tiền thuê mặt bằng	8.211.669.244	10.404.457.765
Chi phí nội thất showroom	3.938.749.652	4.262.881.265
Phụ tùng máy móc, thiết bị xuất dùng	7.470.557.862	3.030.217.512
Chi phí cải tạo văn phòng	7.537.998.071	1.007.510.589
Các khoản khác	2.695.793.460	320.042.111
TỔNG CỘNG	146.002.881.797	136.827.519.145

(*) Phần lớn là tiền thuê đất trả trước cho nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền, tỉnh Đồng Nai và được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Tongxiang Huibo	2.983.616.136	2.983.616.136	4.787.327.426	4.787.327.426
Công ty TNHH Osun	2.675.327.372	2.675.327.372	2.047.865.415	2.047.865.415
Các đối tượng khác	35.560.917.316	35.560.917.316	42.069.878.954	42.069.878.954
TỔNG CỘNG	41.219.860.824	41.219.860.824	48.905.071.795	48.905.071.795

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Khoáng nóng Thanh Thủy	2.484.512.816	667.411.650
Công ty TNHH Petit Elin	473.033.617	948.000.240
Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Thắng	-	1.883.282.750
Các đối tượng khác	16.229.394.458	15.093.576.659
TỔNG CỘNG	19.186.940.891	18.592.271.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	4.288.958.024	8.651.982.406	(10.859.374.465)	2.081.565.965
Thuế nhập khẩu	-	2.220.088.338	(2.220.088.338)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.185.769.522	5.654.976.192	(14.055.880.895)	3.784.864.819
Thuế thu nhập cá nhân	1.394.008.694	12.602.020.930	(12.631.375.012)	1.364.654.612
Các loại thuế khác	-	1.130.887.912	(1.032.548.849)	98.339.063
TỔNG CỘNG	17.868.736.240	30.074.948.579	(40.614.260.360)	7.329.424.459

16. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	219.539.606	341.628.547
Kinh phí công đoàn	178.522.088	352.227.174
Bảo hiểm xã hội	106.948.143	213.069.025
Phải trả ngắn hạn khác	1.058.073.853	788.440.817
TỔNG CỘNG	1.563.083.690	1.695.365.563
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	19.389.500.309	19.535.193.500
Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng	-	2.762.996.314
Phải trả dài hạn khác	510.000.000	116.818.000
TỔNG CỘNG	19.899.500.309	22.415.007.814

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	188.737.772.170	188.737.772.170	420.093.016.492	(480.791.647.857)	(217.160.076)	127.821.980.729	127.821.980.729	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	3.677.875.333	3.677.875.333	9.835.000.000	(3.677.875.333)	(55.000.000)	9.780.000.000	9.780.000.000	
	192.415.647.503	192.415.647.503	429.928.016.492	(484.469.523.190)	(272.160.076)	137.601.980.729	137.601.980.729	
Dài hạn								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	94.426.132.667	94.426.132.667	86.242.474.227	(78.351.124.667)	-	102.317.482.227	102.317.482.227	
	94.426.132.667	94.426.132.667	86.242.474.227	(78.351.124.667)	-	102.317.482.227	102.317.482.227	
TỔNG CỘNG	286.841.780.170	286.841.780.170	516.170.490.719	(562.820.647.857)	(272.160.076)	239.919.462.956	239.919.462.956	

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND tương đương	Nguyên tệ			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	65.150.068.480	VND 65.150.068.480	6 tháng, đáo hạn vào tháng 6 năm 2024. Lãi vay phải trả hàng tháng.	4%-5%	Tài sản cố định, máy móc thiết bị của nhà máy Hưng Yên và quyền thu hồi các khoản phải thu của Công ty.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	21.531.148.678	USD 881.701,42	6 tháng, đáo hạn vào tháng 6 năm 2024. Lãi vay phải trả hàng tháng.	4%	Tài sản cố định, máy móc thiết bị của nhà máy Hưng Yên và quyền thu hồi các khoản phải thu của Công ty.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	35.518.100.028	VND 35.518.100.028	165 ngày, đáo hạn vào tháng 3 năm 2024. Lãi vay phải trả hàng tháng.	4,6% -5,2%	Tín chấp
Ngân hàng Woori Việt Nam	5.622.663.543	VND 5.622.663.543	6 tháng, đáo hạn vào tháng 2 năm 2024. Lãi vay phải trả hàng tháng.	4,8%	Tín chấp

TỔNG CỘNG

127.821.980.729

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND 102.317.482.227	7 năm, gốc vay đáo hạn từng phần từ tháng 2 năm 2024 đến tháng 11 năm 2029. Lãi vay phải trả hàng tháng.	9,5%	Quyền sử dụng đất và tài sản cố định của Công ty hình thành từ khoản vay tại nhà máy Giang Điền, tỉnh Đồng Nai, được tài trợ bởi khoản vay.
Ngân hàng KEB Hana	KRW 500.000.000	Ngày 3 tháng 3 năm 2024. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	3,64%	Văn phòng Công ty Everpia Korea tại số A408-Hyeondae knowledge Industry Centre, số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc.
TỔNG CỘNG	112.097.482.227			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	9.780.000.000			
Vay dài hạn	102.317.482.227			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	419.797.730.000	203.072.724.247	(76.000.000.000)	(3.801.332.966)	3.807.375.305	417.159.741.392	-	964.036.237.978
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	91.574.834.588	254.586.384	91.829.420.972
- Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Trích lập quỹ	-	-	-	-	2.986.033.563	(2.986.033.563)	-	-
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(18.876.846.400)	76.000.000.000	-	-	(48.241.313.823)	-	8.881.839.777
- Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(41.083.124.500)	-	(41.083.124.500)
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con nước ngoài	-	-	-	(199.295.314)	13.426.513	-	-	(185.868.801)
- Giảm khác	-	-	-	-	(5.637.302.540)	-	-	(5.637.302.540)
Số cuối năm	419.797.730.000	184.195.877.847	-	(4.000.628.280)	1.169.532.841	416.424.104.094	10.254.586.384	1.027.841.202.886
Năm nay								
Số đầu năm	419.797.730.000	184.195.877.847	-	(4.000.628.280)	1.169.532.841	416.424.104.094	10.254.586.384	1.027.841.202.886
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	17.825.395.442	816.377.200	18.641.772.642
- Trích lập quỹ (*)	-	-	-	-	4.578.741.723	(4.578.741.723)	-	-
- Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	-	(46.131.788.014)	-	(46.131.788.014)
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con nước ngoài	-	-	-	310.961.358	3.014.112	-	-	313.975.470
- Giảm khác	-	-	-	-	(693.847.464)	-	-	(693.847.464)
Số cuối năm	419.797.730.000	184.195.877.847	-	(3.689.666.922)	5.057.441.212	383.538.969.799	11.070.963.584	999.971.315.520

(*) Theo Nghị quyết số 01/DHDCD2023/NQ ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Công ty đã được phê chuẩn (i) chia cổ tức bằng tiền bằng 11% mệnh giá (1.100 VND/ cổ phiếu) và (ii) trích 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022 vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	184.195.877.847	184.195.877.847	184.195.877.847	184.195.877.847
TỔNG CỘNG	603.993.607.847	603.993.607.847	603.993.607.847	603.993.607.847

18.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	46.131.788.014	41.083.124.500
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022: 1.100 VND/cổ phiếu (2021: 1.000 VND/cổ phiếu)	46.131.788.014	41.083.124.500
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	-

18.4 Cổ phiếu

Số lượng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.979.773	41.979.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.979.773	41.979.773
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.979.773	41.979.773
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.979.773	41.979.773

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	272.068,64	548.756,84
- Euro (EUR)	184.740,10	86.856,31
- Won Hàn Quốc (KRW)	20.352.582	27.557.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	787.684.319.980	1.021.675.009.233
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>787.684.319.980</i>	<i>1.021.675.009.233</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(830.413.831)	(426.491.045)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(830.413.831)</i>	<i>(426.491.045)</i>
Doanh thu thuần	<u>786.853.906.149</u>	<u>1.021.248.518.188</u>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, trái phiếu	30.885.906.022	18.712.576.702
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.686.951.457	8.084.033.397
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	10.916.438	3.980.809.470
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh	10.307.916.508	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	555.760.000	745.000.000
Khác	-	159.087.907
TỔNG CỘNG	<u>49.447.504.304</u>	<u>31.681.507.476</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán	535.771.595.934	637.064.757.476
TỔNG CỘNG	<u>535.771.595.934</u>	<u>637.064.757.476</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	14.493.574.387	6.738.633.160
Dự phòng tổn thất đầu tư và giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	17.434.956.302
Lỗ từ hoạt động đầu tư	453.291.079	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.670.054.961	11.861.565.702
Chi phí tài chính khác	25.011.843	3.693.046.854
TỔNG CỘNG	<u>22.641.932.270</u>	<u>39.728.202.018</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	79.211.369.816	78.362.705.820
- Chi phí nguyên vật liệu	2.918.467.966	5.693.988.035
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.056.217.964	2.399.929.082
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.715.407.183	68.168.588.160
- Chi phí khác	23.537.671.102	18.671.198.801
TỔNG CỘNG	<u>167.439.134.031</u>	<u>173.296.409.898</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	59.664.655.151	54.311.448.983
- Chi phí dự phòng công nợ phải thu	3.658.899.208	4.073.282.218
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6.383.732.992	5.716.915.256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.656.654.750	14.146.045.855
- Chi phí khác	6.590.730.731	9.780.282.192
TỔNG CỘNG	<u>92.954.672.832</u>	<u>88.027.974.504</u>

24. THU NHẬP KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thanh lý tài sản cố định	7.066.801.119	503.416.749
Các khoản khác	643.036.869	798.693.469
TỔNG CỘNG	<u>7.709.837.988</u>	<u>1.302.110.218</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	405.745.037.451	562.031.924.801
Chi phí nhân công	231.308.624.762	215.564.922.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.439.470.693	89.883.133.370
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	31.561.833.164	35.677.478.011
Chi phí khác	31.220.559.209	27.471.211.698
TỔNG CỘNG	<u>787.275.525.279</u>	<u>930.628.670.438</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế “TNDN”) bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Everpia Korea có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của nước sở tại (Hàn Quốc) bằng 9,9% lợi nhuận thu được.

Quỹ MAOF không thuộc đối tượng chịu thuế TNDN. Các khoản chia lợi nhuận sau này từ Quỹ MAOF sẽ bị khấu trừ thuế TNDN 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.654.976.192	25.752.397.563
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(50.020.587)	(2.246.914.089)
TỔNG CỘNG	5.604.955.605	23.505.483.474

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	24.246.728.247	115.334.904.446
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	4.849.345.649	23.066.980.889
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	1.016.159.635	1.165.337.753
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế	307.481.580	
Chênh lệch thuế suất của các công ty con	(502.683.873)	(309.831.116)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(111.152.000)	(149.000.000)
Các khoản điều chỉnh khác	45.804.614	(268.004.052)
Chi phí thuế TNDN	5.604.955.605	23.505.483.474

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	12.205.275.684	11.951.864.991	253.410.693	134.817.689
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.422.569.094	5.805.426.213	617.142.880	2.500.301.196
Trợ cấp thời việc phải trả	2.786.415.974	2.951.084.721	(164.668.747)	(182.924.579)
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.287.451.290	1.272.080.092	15.371.198	(226.829.500)
Chi phí phân bổ dự phòng hoàn trả mặt bằng	-	552.599.260	(552.599.266)	110.519.853
Chi phí vượt quá thời gian phân bổ	325.819.111	255.046.121	70.772.990	70.772.988
	23.027.531.153	22.788.101.398	239.429.748	2.406.657.647
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(399.872.909)	(210.463.745)	(189.409.161)	(159.743.558)
	(399.872.909)	(210.463.745)	(189.409.161)	(159.743.558)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	22.627.658.244	22.577.637.653		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			50.020.587	2.246.914.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

Thông tin về các bên liên quan là thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát và Ban điều hành được trình bày tại phần Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hà Chí Minh	2.643.781.770	2.826.339.203
Ông Lee Jae Eun	Thành viên HĐQT Tổng giám đốc	5.544.416.003	5.921.754.630
Ông Yu Sung Dae	Thành viên HĐQT Phó tổng Giám đốc	2.651.815.208	2.963.542.823
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên HĐQT	86.400.000	86.400.000
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên HĐQT (đến ngày 28 tháng 4 năm 2022)	-	28.800.000
Ban kiểm soát			
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban	86.400.000	86.400.000
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên	86.400.000	86.400.000
Ông Nguyễn Đắc Hường	Thành viên	86.400.000	86.400.000
TỔNG CỘNG		11.185.612.981	12.086.036.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.825.395.442	91.574.834.588
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>17.825.395.442</u>	<u>91.574.834.588</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	41.979.773	41.342.227
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>41.979.773</u>	<u>41.342.227</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	425	2.215
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	425	2.215

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày báo cáo, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê phòng trưng bày sản phẩm được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	11.487.183.432	10.781.651.384
Từ 1 đến 5 năm	15.583.038.145	14.447.138.741
Trên 5 năm	6.397.028.760	-
TỔNG CỘNG	<u>33.467.250.337</u>	<u>25.228.790.125</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Bảo Ngọc
Kế toán trưởng



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

